

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Thành Tâm

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Dân sự số 22/2022/QĐST-DS ngày 23/5/2023; Toà án nhân dân huyện B, tỉnh L đã căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ giải quyết vụ án Dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, tranh chấp Quyền sử dụng đất và kiện đòi tài sản*” giữa:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1959, bà Phạm Thị Liên Kh, sinh năm: 1963; cư trú tại thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh L; địa chỉ liên lạc: tổ 22, thôn Hưng L, xã Hưng Th, huyện Tr, tỉnh Đ; ông L có mặt, bà Khương vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Mạnh Th, sinh năm: 1975; cư trú tại số 77/14, đường P, Phường 2, thành phố B, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2077, quyền số 78/2023 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Đ chứng thực ngày 25/5/2023); vắng mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Đỗ Văn Dậu, sinh năm: 1959, bà Nguyễn Thị Sinh, sinh năm: 1965; cư trú tại số 104, đường Nguyễn Công Trứ, Phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh L; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Kim Đ, sinh năm: 1964; cư trú tại số 06, đường V, thị trấn D, huyện D, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1318, quyền số 01-SCT/CK, ĐC do Văn phòng công chứng Nguyễn Văn B chứng thực ngày 14/8/2023); có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Vợ chồng ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm: 1975, bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977; cư trú tại số 50/26, đường L, xã L, thành phố B, tỉnh L; có mặt.

2/ Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Trương Hoài M, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

+ Ông Nguyễn Trung Th, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 613a/GUQ ngày 08/3/2023); có đơn xin vắng mặt.

3/ Vợ chồng ông Đặng Văn Đ, sinh năm: 1963, bà Lương Thị Kh, sinh năm: 1963; cư trú tại thôn 7, xã L, huyện B, tỉnh L; vắng mặt.

4/ Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh L; địa chỉ: thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân); vắng mặt.

5/ Ông Bùi Duy H, sinh năm: 1962; cư trú tại thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh L; vắng mặt.

6/ Ông K'Ch, sinh năm: 1955; cư trú tại thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh L; vắng mặt.

Tại đơn kháng cáo ngày 02/6/2023 và ngày 05/6/2023, ông Nguyễn Văn L và vợ chồng ông Nguyễn Hữu Th, bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Dân sự sơ thẩm nói trên, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

[1] Tại phiên họp, ông Nguyễn Văn L rút một phần kháng cáo, chỉ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết về việc chịu chi phí tố tụng và xin miễn án phí Dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Vợ chồng ông Nguyễn Hữu Th, bà Nguyễn Thị H rút toàn bộ kháng cáo.

[2] Theo hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 10/8/2021 vợ chồng ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Sinh có đơn phản tố, ngày 14/9/2021 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L đã ban hành Thông báo thụ lý bổ sung số 94b/TB-TLVA về việc thụ lý đơn phản tố của ông D. Ngày 24/11/2021 vợ chồng ông Nguyễn Hữu Th, bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu độc lập; cùng ngày 24/11/2021 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án số 94c/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án bổ sung đối với đơn yêu cầu độc lập của vợ chồng ông Th, bà H. Quá trình giải quyết vụ án thì vợ chồng ông D, bà S có đóng tiền tạm ứng chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa ngày 23/5/2023 vợ chồng ông D, bà S rút toàn bộ đơn yêu cầu phản tố thì phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng tương ứng với số tiền đã tạm nộp theo quy định tại các Điều 157, 163 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là không đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời ông L có đơn xin miễn án phí với lý do là người cao tuổi (trên 60 tuổi). Do đó cần miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm và án phí Dân sự phúc thẩm cho ông L.

[3] Với những nhận định trên cần chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và chấp nhận việc rút toàn bộ kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Hữu Th, bà Nguyễn Thị H; sửa Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nói trên về chi phí tố tụng và án phí.

[4] Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn L.

Bà Phạm Thị Liên Kh và vợ chồng ông Nguyễn Hữu Th, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định.

- Căn cứ vào Điều 314 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, chấp nhận việc rút toàn bộ kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Hữu Th, bà Nguyễn Thị H. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo mà ông L và vợ chồng ông Th, bà H đã rút.

2. Sửa Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Dân sự số 22/2023/QĐST-DS ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Phạm Thị Liên Kh phải chịu 20.000.000đ; vợ chồng ông Đỗ Văn Dậu, bà Nguyễn Thị Sinh phải chịu 33.754.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản (tất cả đã tạm nộp và được Tòa án cấp sơ thẩm quyết toán xong).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn L; ông L được nhận lại số tiền 4.025.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp; sung vào công quỹ nhà nước số tiền 4.025.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị Liên Kh đã nộp; tất cả theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004952 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh L.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền 4.050.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm vợ chồng ông Nguyễn Hữu Th, bà Nguyễn Thị H đã nộp theo các Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005201 ngày 27/4/2018 và số 0004178 ngày 24/11/2021; tất cả đều của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh L.

Vợ chồng ông Đỗ Văn Dậu, bà Nguyễn Thị Sinh được nhận lại số tiền 2.666.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005088 ngày 14/9/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh L.

- Án phí phúc thẩm:

Miễn án phí Dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn L. Ông L được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012897 ngày 23/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh L.

Vợ chồng ông Nguyễn Hữu Th, bà Nguyễn Thị H phải chịu 600.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 600.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012877 và số 0012878 ngày 16/6/2023 đều của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh L.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh L (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện B (01);
- Chi cục THADS huyện B (0);
- Đường sự (08);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Huỳnh Châu Thạch